TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNHĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 6 -2024
V/vl: " Tranh chấp ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1001/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Đặng Vũ T , sinh năm 1985.

- **Bị đơn**: Chị Nguyễn Vũ Thanh T1, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Tổ D, ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Anh T và chị T1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đặng Vũ T trình bày : Anh và chị Nguyễn Vũ Thanh T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. C sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về tiền bạc, chị T1 lấy tiền tích cóp dành dụm của vợ chồng, chị T1 đã chuyển cho người lạ mà không có lý do chính đáng, anh và chị T1 đã tự sống ly thân từ tháng 9/2023

không bàn bạc đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Vũ Thanh T1.

Về con chung: Có 02 con chung .

1. Đặng Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 01/5/2006.
2. Đặng Nguyễn Thảo Q, sinh ngày 21/02/2009.

Sau ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đ, chị T1 nuôi cháu Q. Anh và chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tài sản chung: Anh và chị T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Vũ Thanh T1 trình bày:

Chị và anh V đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L vào năm 2008, chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T ngoại tình nhưng chị không có chứng cứ gì, ngoài ra mâu thuẫn về kinh tế do chị lấy tiền đầu tư chứng khoán bị thua lỗ, anh T lấy cớ bỏ nhà đi từ tháng 9/2023 đến nay không trở về, chị có chuyện với anh T nhưng anh T kiên quyết ly hôn. Anh T ly hôn chị không đồng ý vì chị muốn gia đình trọn vẹn, con cái có cha mẹ đầy đủ.

Về con chung: Có 02 con chung .

1. Đặng Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 01/5/2006.
2. Đặng Nguyễn Thảo Q, sinh ngày 21/02/2009.

Nếu ly hôn anh T trực tiếp nuôi cháu Đ, chị nuôi cháu Q, chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chị T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Vũ T.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh T và chị T1.

Về tài sản chung : Các đương sự tự thỏa thuận nên không xét.

Về nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai số 19, quyển số I/2008 ngày 18/02/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Anh T yêu cầu xin ly hôn chị T1 vì tình cảm vợ chồng không còn, chị T1 không đồng ý ly hôn vì muốn gia đình trọn vẹn, con cái có đủ cha mẹ.

Xét thấy, anh T và chị T1 đều thừa nhận từ tháng 9/2023 anh chị tự sống ly thân nhau không bàn bạc đoàn tụ được, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ nên căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho anh Đặng Vũ T được ly hôn chị Nguyễn Vũ Thanh T1.

[3] Về con chung: Anh T và chị T1 có 02 con chung, anh T và chị T1 có yêu cầu nếu ly hôn anh T nuôi cháu Đặng Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 01/5/2006, chị T1 nuôi cháu Đặng Nguyễn Thảo Q, sinh ngày 21/02/2009. Cháu Đ và cháu T1 hiện nay đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu Đ có nguyện vọng được sống với anh T, cháu Q có nguyện vọng được sống với chị T1. Vì vậy, giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Q cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T và chị T1 nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[4] Tài sản chung: Anh T và chị T1 đều có yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Anh Đặng Vũ T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 89 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000 và Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Vũ T, xử cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Vũ Thanh T1.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 01/5/2006 cho anh Đặng Vũ T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đặng Nguyễn Thảo Q, sinh ngày 21/02/2009 cho chị Nguyễn Vũ Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh T, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T và chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đặng Vũ T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015082 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Anh T đã nộp đủ án phí.

5. Anh Đặng Vũ T và chị Nguyễn Vũ Thanh T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
-VKSND H. Long Thành.
-THA H. Long Thành.
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Liên